

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HƯỚNG HÓA
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2017/DS-ST

Ngày 20/6/2017

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯỚNG HÓA, TỈNH QUẢNG TRỊ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Văn Toàn.
2. Ông Nguyễn Thành Biên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Tú Oanh - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị.

Ngày 20 tháng 6 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hướng Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2017/TLST - DS ngày 10 tháng 02 năm 2017 về việc tranh chấp “ Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2017/QĐXXST - DS ngày 15 tháng 5 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm: 1965.

Địa chỉ: Khóm X, thị trấn L, huyện H, tỉnh Quảng Trị; Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Võ Thị X, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Khóm X, thị trấn L, huyện H, tỉnh Quảng Trị; Vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 07/02/2017, Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 29/3/2017, văn bản trình bày ý kiến và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị S trình bày: Ngày 07 tháng 4 năm 2016, bà S vay Ngân hàng 300.000.000đồng để sửa chữa nhà và chăn nuôi trồng trọt nhưng chưa sử dụng nên ngày 07 tháng 5 năm 2016, bà Võ Thị X là chị gái con di ruột đến vay 100.000.000đồng để làm ăn và mua xe cho con gái; vì là chị em nên bà S tin tưởng nên cho bà X vay 100.000.000đồng và bà X cam kết bằng lời nói là vay trong 3 tháng 20 ngày, mỗi tháng trả 30.000.000đồng, góp mỗi ngày 1.000.000đồng kể từ ngày 07/5/2016 đến ngày 27/8/2016 thì trả xong nợ vay.

Bà Võ Thị X chỉ góp được 5 ngày là 5.000.000,đồng rồi không thực hiện theo như cam kết. Qua nhiều lần bà S yêu cầu bà X thực hiện việc trả nợ cho đến

ngày 07/9/2016 thì hai bên chốt sổ nợ là bà X còn nợ bà S 95.000.000đồng theo “giấy vay nợ” không đề ngày vay.

Nay, bà Nguyễn Thị S yêu cầu buộc bà Võ Thị X phải trả nợ gốc 95.000.000đồng và trả lãi theo cam kết là 18.000.000đồng (kể từ ngày chốt nợ 07/9/2016 đến nay).

Tại Văn bản trình bày ý kiến đề ngày 22/02/2017 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Võ Thị X trình bày: Ngày 14 tháng 02 bà X nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” do bà Nguyễn Thị S khởi kiện. Tuy nhiên nội dung trong đơn khởi kiện và các chứng cứ kèm theo là không đúng, nên bà X trình bày lại sự việc như sau:

Vào tháng cuối năm 2015, bà S đến nhà bà X hỏi bà X cần vay tiền không, bà X hỏi vay như thế nào? Bà S nói vay 10.000.000đồng góp thành 11.000.000đồng trong vòng 55 ngày, tương đương với một ngày góp cả gốc lẫn lãi là 200.000đồng. Bà X đồng ý vay của bà S 30.000.000đồng, góp một ngày cả vốn lẫn lãi là 600.000đồng, trong vòng 55 ngày thành 33.000.000đồng. Quá trình vay bà X góp được 30 ngày là 18.000.000đồng, không góp được nữa nên bà X nợ lại 25 ngày chưa góp cả gốc lẫn lãi 15.000.000đồng (25 ngày x 600.000đồng/ngày). Rồi bà S tiếp tục cho bà X vay số tiền mới là 30.000.000đồng, bà X trả qua cho bà S 15.000.000đồng tiền nợ nêu trên; rồi bà X tiếp tục góp 35 ngày x 600.000đồng/ngày= 21.000.000đồng, bà X nợ lại 20 ngày chưa góp cả vốn lẫn lãi là 12.000.000đồng (12 ngày x 600.000đồng/ngày). Bà S lại cho bà X vay số tiền mới là 50.000.000đồng, bà X trả nợ cho bà S 12.000.000đồng nêu trên; bà X tiếp tục trả góp được 20 ngày là 20.000.000đồng (20 ngày x 1.000.000đồng/ngày), bà X còn nợ lại 35 ngày chưa góp cả vốn lẫn lãi là 35.000.000đồng (35 ngày x 1.000.000đồng). Rồi bà S lại tiếp tục cho bà X vay 50.000.000đồng, bà X phải trả nợ vay củ là 35.000.000đồng, rồi tiếp tục trả góp được 5 ngày thì bà X nói với bà S là không có khả năng góp cả gốc lẫn lãi nên xin bà S cho bà X cho đứng tiền gốc và trả góp cả gốc lẫn lãi là 100.000đồng/50.000.000đồng/ngày, bà S đồng ý. Vài ngày sau bà S gợi ý bà X là nếu bà X góp được thì bà S cho đóng lại 50.000.000đồng tiền nợ cũ và lấy lại 50.000.000đồng mới để góp. Bà X đồng ý, nói là để mua xe cho con nhưng thực chất là góp cho bà S, mỗi ngày góp tiền lãi cho 100.000.000đồng là 200.000,đồng; bà X góp được khoảng 5 tháng thì không có khả năng góp tiếp nên bà X xin bà S góp tiền lãi 100.000đồng/100.000.000đồng/ngày, bà S đồng ý. Trong lúc này vì kinh tế khó khăn, bà X góp được hơn 1 tháng thì không có khả năng góp tiếp nên bà X xin bà S cho góp theo lãi suất ngân hàng, nhưng bà S không chịu. Bà S bắt bà X phải trả theo tiền lãi bà đưa ra hoặc trả cả vốn lẫn lãi, cứ 3 đến 5 ngày, bà S đến lấy tiền lãi từ 300.000đồng đến 500.000đồng, một thời gian thì bà X không có khả năng trả được thì bà S đến nhà bà X đòi tiền gốc. Bà X đi cầm xe máy về trả cho bà S 5.000.000đồng; Lúc trả nợ bà X có viết một tờ giấy kèm theo ba dòng chữ: “nợ một trăm triệu, trả năm triệu còn chín mươi lăm triệu và ký thêm chữ X”. Ngoài giấy này ra bà X không còn viết thêm giấy nào nữa. Rồi cứ 3 đến 5 ngày bà S đến nhà bà X lấy tiền lãi, có lúc bà X trả,

có lúc bà X không có để trả. Sau khoảng 3 tháng thì bà S đến nhà bà X đòi tiền gốc lẫn lãi, bà X đưa cho bà S 1.000.000đồng xin trả theo tiền lãi ngân hàng nhưng bà S không lấy, bắt buộc bà X phải trả cả gốc lẫn lãi, bà X chưa có trả thì bà S đưa xe máy của bà X về nhà. Đến ngày 26 tết, hai con gái của bà S có đến nhà bà X yêu cầu bà X phải trả 5.000.000đồng rồi trả lại xe máy cho bà X, bà X mượn của bà con được 4.000.000đồng trả cho bà S và đến ngày 8 tết Nguyên đán, hai con gái bà S đến lấy tiếp 1.000.000đồng. Bà X thừa nhận có vay tiền nặng lãi của bà S là 100.000.000đồng và đã trả góp 2 lần được 10.000.000đồng còn nợ 90.000.000đồng. Nay gia đình khó khăn nên bà X không có khả năng trả cả gốc lẫn lãi.

Các tài liệu, chứng cứ gồm có: Giấy vay nợ, Bản trình bày ý kiến ngày 22 tháng 02 năm 2017 của bà Võ Thị X.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, đã cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự theo quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự; vào hồi 08 giờ ngày 29 tháng 3 năm 2017 các bên đương sự đã có mặt theo đúng văn bản tố tụng của Tòa án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải thì bà X đã trình bày như văn bản trình bày ý kiến ngày 22/02/2017 đã nộp, nhưng bà X không ký biên bản với lý do là bà Nguyễn Thị S trình bày không đúng với thực tế nhưng không xuất trình tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Vì vậy, Tòa án đã lập biên bản không tiến hành hòa giải được.

Sau khi không tiến hành hòa giải được, Tòa án ra Quyết định xét xử số 05/2017/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2017 và đã gửi cho các bên đương sự; đến ngày 21/5/2017 bà Võ Thị X đã đến tại trụ sở Tòa án trực tiếp nộp Đơn đề nghị điều tra lại đơn khởi kiện đề ngày 21/5/2017 có nội dung là bà X có vay tiền của bà S và đã trả lãi hàng tháng theo thỏa thuận nhưng không có tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh; đồng thời bà X nộp lại Quyết định xét xử số 05/2017/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2017 của Tòa án với lý do vì trong giấy của bà S khai không đúng sự thật. Ngày 02/6/2017, Tòa án đã tổng đạt Quyết định hoãn phiên tòa cho bà X, bà X đã nhận nhưng không ký biên bản giao nhận nên Tòa án đã lập văn bản có xác nhận của UBND thị trấn Lao Bảo, huyện Hướng Hóa.

Như vậy, căn cứ vào khoản 4 Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự thì bà X đã được cấp, tổng đạt, thông báo trực tiếp các văn bản tố tụng của Tòa án.

[2] Xem xét giấy vay nợ, Bản trình bày ý kiến của bà Võ Thị X cũng như đơn khởi kiện, lời trình bày của bà Nguyễn Thị S thì thực tế bà Võ Thị X có vay tiền của bà Nguyễn Thị S và có lãi suất. Vì vậy, căn cứ vào Điều 468 và khoản 3 Điều 26 BLTTDS thì đây là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản. Xem xét giấy vay nợ mà bà S cung cấp cũng như lời trình bày của bà X trong văn bản trình bày ý kiến ngày 22/02/2017 có nội dung “...*Lúc trả nợ tôi có viết một tờ giấy kèm theo ba dòng chữ: nợ một trăm triệu, trả năm triệu còn chín mươi lăm*

triệu và ký thêm chữ X". Như vậy tại thời điểm ghi giấy vay nợ thì bà X còn nợ bà S 95.000.000đồng và đến ngày 26 tết, bà X trả 4.000.000đồng và ngày 8 tết Nguyên đán trả thêm 1.000.000đồng (con gái bà S nhận); việc này bà S thừa nhận nhưng cho rằng đây là tiền lãi nên không trừ vào tiền gốc. HĐXX thấy rằng: Trên giấy vay nợ không ghi lãi suất, không ghi phương thức trả nợ, nhưng theo lời trình bày của bà X thì bà X và bà S đã thỏa thuận vay có trả lãi theo thỏa thuận nhưng không xác định rõ lãi suất. Căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự thì chỉ chấp nhận mức lãi suất là 10%/năm. Đối với số tiền 5.000.000đồng mà bà X trả cho bà S (con bà S nhận) nêu trên do các bên thỏa thuận không rõ ràng việc trả nợ; vì vậy, số tiền này được trừ vào số tiền gốc. Căn cứ vào khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự thì bà X còn phải trả cho bà S số tiền gốc là 90.000.000đồng và tiền lãi kể từ ngày 07/9/2016 đến ngày xét xử 20/6/2017 là 6.978.000đồng = $((90.000.000đ \times 10\%/365\text{ngày}) \times 283\text{ngày})$. Tổng cộng là 96.978.000đồng.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 147 BLTTDS và khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; buộc bà Nguyễn Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền không được Tòa án chấp nhận là 801.000đồng $(113.000.000đ - 96.978.000đ) \times 5\%$, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.825.000đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006840 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hướng Hóa; bà S được hoàn trả số tiền 2.024.000đồng. Bà S đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Bà Võ Thị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên nghĩa vụ phải trả là 4.848.000đồng $(96.978.000đ \times 5\%)$.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 147, khoản 4 Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự và khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

- Buộc bà Võ Thị X phải trả cho bà Nguyễn Thị S số tiền vay là 96.978.000đồng (Chín mươi sáu triệu chín trăm bảy mươi tám ngàn đồng). Trong đó: 90.000.000đồng tiền gốc và 6.978.000đồng tiền lãi phát sinh từ ngày 07/9/2016 đến ngày 20/6/2017.

- Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền không được Tòa án chấp nhận là 801.000đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.825.000đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006840 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hướng Hóa; bà S được hoàn trả số tiền 2.024.000đồng. Bà S đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Bà Võ Thị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên nghĩa vụ phải trả là 4.848.000đồng.

“Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015”

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự”

2. Bà Nguyễn Thị S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (20/6/2017). Bà Võ Thị X có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ bản án được giao hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Q.Trị;
- VKSND huyện H.Hóa;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện H.Hóa;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Trung